

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Núi Loáng, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (giai đoạn nâng công suất từ 10.000m³/năm lên 60.000m³/năm) của Công ty TNHH Tân Đạt

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Công Văn số 18380/UBND-CN ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Tân Đạt nâng công suất khai thác mỏ đá tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 1130/STNMT-BVMT ngày 14/2/2025 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định của Công ty TNHH Tân Đạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 253/Tr-STNMT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Núi Loáng, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (Giai đoạn nâng công suất từ 10.000m³/năm lên 60.000m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tân Đạt (sau đây gọi là Chủ dự án) tại

thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Núi Loáng, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (giai đoạn nâng công suất từ 10.000m³/năm lên 60.000m³/năm) của Công ty TNHH Tân Đạt tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Công ty TNHH Tân Đạt và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ NN&MT (để b/c);
- UBND TT Yên Lâm (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại Núi
Loáng, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (giai đoạn nâng công suất từ
10.000m³/năm lên 60.000m³/năm) của Công ty TNHH Tân Đạt

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường.
- Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Đạt.
- + Người đại diện: Lê Ngọc Đạt; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Khu làng nghề thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô:
 - + Diện tích khu vực khai thác là 22.200,0 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, B, A, 4 và 5;
 - + Diện tích khai trường là: 3.215,0 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 5, 6' và 7';

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105 ⁰⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2220 656.00	552 510.00
2	2220 656.00	552 448.20
3	2220 731.00	552 470.00
B	2220 835.70	552 500.81
A	2220 766.78	552 639.55
4	2220 678.00	552 592.00
5	2220 639.00	552 571.00
6'	2220 586.44	552 547.64
7'	2220 601.35	552 486.06

- Công suất: 60.000m³/năm;
- Thời gian khai thác: 04 năm 08 tháng.

1.3. Công nghệ khai thác

- Mở khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khẩu theo lớp đứng cắt tầng, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực chế biến.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → khoan nổ mìn → bóc xúc → vận chuyển đá về khu chế biến

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

a. Các hạng mục công trình hiện hữu:

- Tuyến đường ô tô vận tải: Dài 382m, rộng 6m, độ dốc dọc đường 9,86%.
- Hồ lắng: Diện tích 990m², kết cấu nền đất, đá tự nhiên, độ dốc mái 1:1.

b. Các công trình xây dựng mới:

- Tuyến đường công nhân lên núi: Dài 382m, rộng 1,5m.
- Tạo diện công tác ban đầu: Dài 15m x rộng 5m, diện tích 75m².
- Mương thu nước: Dài 134m x rộng 0,8m x cao 0,6m.
- Bãi thải: Dài 35m x rộng 20m, diện tích 700m², nền đất đá tự nhiên.

c. Các công trình phụ trợ tại khu vực thuê thêm:

Ngoài ra để phục vụ quá trình khai thác, Công ty còn sử dụng các công trình tại khu vực thuê thêm, gồm: Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp (30 m²), Nhà điều hành (250m²), Nhà bếp ăn ca cán bộ công nhân (100m²), Nhà kho dụng cụ, sửa chữa máy móc (660m²), Nhà bảo vệ, phòng cân (50m²), 02 Trạm biến áp mỗi trạm công suất 630KVA (38,4 m²), Trạm cân 120 tấn (117,8m²), Hồ lắng (300m²) và các công trình phụ trợ phục vụ khai thác khác (*Dự án tại khu vực thuê thêm đã được UBND huyện Yên Định cấp Giấy phép môi trường số 206/GP-UBND ngày 29/10/2024*).

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

- Hoạt động khai thác đá vôi làm VLXD thông thường gồm: Khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đá về khu vực thuê thêm hoặc bán cho các đơn vị sản xuất khác.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, chế biến.
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá nguyên khối, đá thải phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.
- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.
- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,0m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 5.273m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá, từ hoạt động bốc xúc, từ hoạt động vận chuyển đất đá đi tiêu thụ và về khu vực chế biến; hoạt động của các thiết bị, máy móc khai thác. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 4,0kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, chai nhựa, túi nilong.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Đất đá thải từ quá trình khai thác khoảng 1475 m³/năm. Thành phần chủ yếu là đất xen kẹp trong đá, đất phủ phong hoá.
- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: phát sinh khoảng 231lít/năm. Thành phần chủ yếu: dầu thải.
- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 4,0kg/tháng từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,....

3.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Tác động do ồn, rung: Phát sinh từ hoạt động nổ mìn, từ hoạt động nghiền sàng, vận chuyển, bốc xúc từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Theo tính toán, khoảng cách an toàn đối với người và công trình do đá văng, chấn động và sóng không khí trong quá trình nổ mìn tối thiểu là 54 m; theo quy định tại QCVN 01:2019/BCT khoảng 200m.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn thực hiện của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với nước thải vệ sinh: Được thu gom và xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn dung tích 9m³ (Bể đặt ngầm dưới nhà vệ sinh tại khu vực đất thuê thêm) trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải mỏ: Nước mưa chảy tràn từ trên núi và khu vực khai trường tự chảy tràn theo độ dốc tự nhiên → Hồ lắng tại chân núi có diện tích 990m², sâu 2m → mương đất có kích thước: 2mx1m dài 49m → mương đất có kích thước: 6mx2m dài 80m → Hồ lắng có kích thước: 24x12,5m sâu 2,5m chia 2 ngăn (Ngăn số 01 có kích thước: 14m x 12,5m; ngăn số 2 có kích thước: 10m x 12,5m) để lắng cặn → Hệ thống thoát nước của cụm làng nghề (Mương đất rộng 2m, sâu 1m) dài khoảng 850m → Hồ A8 có diện tích khoảng 2ha phía Đông Nam khu mỏ tại thôn Phúc Trí, thị trấn Yên Lâm.

4.1.2. Đối với thu gom xử lý bụi, khí thải

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn, khống chế khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, máy móc.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Phun nước định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ).

- Bảo tồn cây xanh xung quanh khu vực khai thác, trồng cây xanh dọc tuyến đường vận tải mỏ.

- Việc nổ mìn phải được bóc sạch tầng phủ trước khi thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán vào không khí.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Khu vực khai trường của Dự án không bố trí khu vực rửa xe vận chuyển, các xe vận chuyển đá được rửa lốp, bánh xe với tần suất 2 chuyến/lần rửa tại khu vực tiếp nhận đá khai thác (trạm nghiền sàng nằm ngoài dự án).

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Hợp tác xã dịch vụ môi trường Yên Lâm tại Hợp đồng số 05/2024/HĐ ngày 05/09/2024.

- Sử dụng các công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn hiện hữu tại khu vực mỏ

- Bổ sung 02 thùng chứa rác dung tích 50lít/thùng trang bị tại khu vực nhà bảo vệ của dự án.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất đá thải được tận dụng để san lấp tuyến đường nội, ngoại mỏ và một phần phối trộn cùng đá base làm vật liệu san lấp.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng vun gốc cây dọc tuyến đường vận chuyển

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Tiếp tục sử dụng 02 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn với dung tích 200 lít để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu mỡ thải); thùng đặt tại một góc trong kho chứa chất thải nguy hại tại khu vực khai trường.

- Trang bị thêm 01 thùng phuy có dung tích 200 lít để chứa chất thải nguy hại dạng lỏng trong giai đoạn nâng công suất khai thác mỏ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực Dự án; thực hiện nổ mìn theo đúng phương pháp và hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra; không để nước sau xử lý tại hồ lắng chảy tràn vào khu vực ao các cửa các hộ dân xung quanh.

- Thực hiện nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm túc an toàn lao động; thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

4.4.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Cậy gỡ đá treo, đá om trên các sườn tầng; nạo vét rãnh thoát nước chân tầng; san gạt mặt bằng; trồng cỏ gừng khu vực khai thác

- Khu vực khai trường: Tháo dỡ công trình, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng; trồng cỏ gừng.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét kênh mương.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	Khu vực khai thác		
1	Cậy gỡ đá treo bằng thủ công	m ³	61.44
2	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0, 7x0, 7x0, 7m	cái	9
3	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	9
4	Mua đất màu	m ³	5,431
5	San đất bằng máy ủi 180CV	100m ³	90.54
6	Trồng cỏ gừng khu vực khai thác	ha	1.81
B	Khu vực khai trường		
1	Mua đất màu	100m ³	9.65
2	San đất bằng máy ủi 180CV	100m ³	16.08
4	Trồng cỏ gừng	ha	0.32
C	Khu vực bãi thải		
1	Tháo dỡ tường kè xung quanh bãi thải, tường xây đá hộc.	m ³	33
2	Vận chuyển đồ thải	100m ³	0.33
D	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0.41
2	Gia cố tuyến đường ngoài mỏ	100m ³	2.12
E	Các chi phí khác		
1	Chi phí giám sát môi trường	-	

2	Chi phí bảo trì	-	
3	Chi phí giám sát nổ mìn	-	
4	Chi phí giám sát sạt lở moong khai thác	-	

b. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi nâng công suất khai thác mỏ là: **521.339.151 đồng**.

- Số tiền ký quỹ đã thực hiện tính đến năm 2025 là: **131.278.218 đồng** (Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường đến năm 2025 của Quỹ Bảo vệ môi trường).

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường còn lại công ty phải thực hiện ký quỹ: **521.339.151 - 131.278.218 = 390.060.933 đồng**.

- Số lần ký quỹ: 5 lần; trong đó:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (25%): **97.515.233 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt phương án bổ sung;

+ 04 (bốn) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **73.136.425 đồng**; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số năm 2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải. Chủ đầu tư đề xuất chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát chất lượng nước thải.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅; COD, Chất rắn lơ lửng; Amoni (tính theo N); Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước tại vị trí xả thải mương thoát nước của khu vực.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B).

5.2. Giám sát chất lượng môi trường không khí.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu không khí tại khu vực khai thác.

- Thông số giám sát: bụi và tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Tiêu chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.
- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.
- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các

hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sụt lở, sụt lún, an toàn nổ mìn, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.